TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HÀ TĨNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 19/3/2024
"tranh chấp về ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

- ***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Bùi Quang Năng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Đức; ông Nguyễn Tất Thể

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Lê Thanh Huyền - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Quỳnh Lê - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2024 tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh mở phiên toà xét xử công khai sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 141/2023/TLST - HNGĐ, ngày 16/10/2023. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 19/2/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2024/QĐST - HNGĐ ngày 04/3/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị H, sinh năm 1987; Địa chỉ: Tổ dân phố T, phường T, thị xã H, tỉnh Hà Tĩnh. (Xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1979; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú trước khi xuất cảnh: Tổ dân phố T, phường T, thị xã H, tỉnh Hà Tĩnh (Hiện đang sinh sống và làm việc tại A). (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Theo nội dung đơn khởi kiện, lời khai có tại hồ sơ vụ án, chị Lê Thị H *trình bày :*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Ngọc L được người quen giới thiệu, được tự do tìm hiểu, sau 3 tháng quen biết thì kết hôn với nhau vào ngày 01/04/2015 tại Ủy ban nhân dân phường T, thị xã H, tỉnh Hà Tĩnh. Sau khi kết hôn

vợ chồng cùng nhau vào S sinh sống và làm việc. Năm 2015 cả hai vợ chồng về sống cùng mẹ chồng tại tổ dân phố T, phường T, thị xã H, tỉnh Hà Tĩnh, cuộc sống bình thường, không có quá nhiều va chạm, tuy nhiên tình cảm tẻ nhạt, vợ chồng ít khi chia sẻ tâm tư với nhau, cảm giác không gắn kết.

Năm 2016, anh L đi lao động nước ngoài. Sau khi đi, vợ chồng thỉnh thoảng liên lạc. Năm 2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vốn dĩ vợ chồng không gắn kết, nay lại sống xa nhau nên tình cảm phai nhạt. Vợ chồng không hiểu nhau và cảm giác không muốn chia sẽ cuộc sống của nhau nữa. Từ đó chị và anh L không nói chuyện với nhau. Thỉnh thoảng anh L có gọi điện nói chuyện với con. Đã 7 năm nay vợ chồng chưa gặp lại nhau. Từ năm 2018 đến nay anh L không gửi tiền về nuôi con, một mình chị tự bươn chải nuôi con. Nay, chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh L.

Về quan hệ con chung: Chị H và anh L có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Hoàng L1, sinh ngày 16/03/2016. Chị H có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và không yêu cầu anh L cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Lê Thị H yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tiến hành thụ lý giải quyết vụ án mà không thực hiện thủ tục hòa giải tiền tố tụng cũng như hòa giải trong quá trình giải quyết.

Chị Lê Thị H trình bày không biết địa chỉ cụ thể của anh Nguyễn Ngọc L tại nước Anggola nên đề nghị Tòa án thu thập thông tin địa chỉ qua người thân của anh L.

Bị đơn anh Nguyễn Ngọc L hiện đang ở nước ngoài. Toà án đã tiến hành xác minh tại anh trai anh là anh Nguyễn Ngọc H1, trú tại: tổ dân phố L, phường T, thị xã H, tỉnh Hà Tĩnh. Anh H1 cho biết anh Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1979, nới ĐKHKTT trước khi xuất cảnh tại tổ dân phố T, phường T, thị xã H, có cha đẻ là ông Nguyễn Ngọc S (đã chết) và mẹ đẻ là bà Cao Thị L2, sinh năm 1939 (hiện đã già yếu). Anh Nguyễn Ngọc L kết hôn với chị Lê Thị H năm 2015, có 01 người con chung là Nguyễn Ngọc Hoàng L1, sinh năm 2016. Sau khi kết hôn được thời gian ngắn, khi cháu L1 đang còn nhỏ thì anh L xuất khẩu lao động từ năm 2016 đến nay chưa về nước lần nào. Anh chỉ biết anh L ở nước ngoài, còn cụ thể ở nước nào, địa chỉ cụ thể anh không biết. Anh đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án về việc chị H xin ly hôn với anh L, nhưng đây là việc cá nhân của anh L, anh không nắm được, anh L cũng không có ý kiến gì về việc chị H xin ly hôn.

Quá trình giải quyết vụ án Toà án đã tiến hành cấp, tống đạt, thông báo, niêm yết đầy đủ, hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh L cũng không có văn bản trình

bày ý kiến gửi cho Tòa án và vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng, các đương sự; phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 123, 127 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, các Điều 28, 37, 39, 227, 228, 469, Điều 474, Điều 477, Điều 479, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm b tiểu mục 2.1, mục 2 phần II Nghị quyết số 01 /2003/NQ-HĐTP ngày 16/4/2003 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao về giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ, Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án:

+Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Xử cho chị Lê Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc L;

+Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Ngọc Hoàng L1, sinh ngày 16/03/2016 cho Lê Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi về quyền nuôi con. Anh Nguyễn Ngọc L có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

+ Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết nên miễn xem xét;

+ Về án phí: Chị Lê Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN :

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng :

[1.1] Chị Lê Thị H khởi kiện xin ly hôn anh Nguyễn Ngọc L (Nơi ĐKHKTT trước khi xuất cảnh: Tổ dân phố T, phường T, thị xã H, tỉnh Hà Tĩnh), Anh L đang sống và làm việc tại nước A. Tại công văn số 28164/QLXNC-P3, ngày 26/10/2023 của Cục Q - Bộ C, xác nhận: Anh Nguyễn Ngọc L, sinh ngày 11/9/1979 số CMTND 183693681, HKTT: tổ dân phố T, phường T, thị xã H, tỉnh Hà Tĩnh đã

xuất cảnh lần gần đây nhất ngày 04/06/2016, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh theo quy định tại Điều 28, khoản 1 Điều 37 , khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự

[1.2] Bị đơn anh Nguyễn Ngọc L hiện đang ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ. Quá trình giải quyết vụ án Toà án đã tiến hành cấp, tống đạt, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng cho thân nhân anh Nguyễn Ngọc L. Đồng thời, tiến hành xác minh địa chỉ cụ thể và lấy ý kiến của anh Nguyễn Ngọc L đối với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị H nhưng anh L không có ý kiến hay bất kỳ văn bản tài liệu nào gửi về Tòa án tỉnh Hà Tĩnh. Tòa án yêu cầu nhân thân của anh L cung cấp địa chỉ, tin tức để Tòa án giải quyết vụ án nhưng gia đình từ chối, không hợp tác với Tòa án. Tòa án đã thông báo về việc giải quyết vụ án cho bị đơn trên kênh đối ngoại VOV5 Đài tiếng nói Việt Nam ba lần trong ba ngày liên tiếp từ ngày 16 đến ngày 18 tháng 01 năm 2024 nhưng không có hồi âm của bị đơn. Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh đã mở phiên tòa ấn định thời gian xét xử lần 1 vào ngày 04/03/2024, lần 2 vào ngày 19/03/2024 tống đạt, niêm yết hợp lệ nhưng anh L vẫn vắng mặt và không có bất kỳ văn bản ý kiến nào gửi Tòa án. Do đó, theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 3 Điều 474, điểm b khoản 5 Điều 477 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm b tiểu mục 2.1, mục 2 phần II Nghị quyết số 01 /2003/NQ-HĐTP ngày 16/4/2003 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Toà án nhân dân Tối cao hướng dẫn về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ, Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục bị đơn cố tình giấu địa chỉ. Chị Lê Thị H vì lý do ở xa và bận công việc nên không thể đến tham gia phiên tòa và có đơn xin được xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt anh L, chị H theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Lê Thị H và anh Nguyễn Ngọc L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh L là hợp pháp. Theo chị H trình bày sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, được một thời gian thì vợ chồng có nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn. Năm 2016, anh L đi lao động nước ngoài. Sau khi đi, vợ chồng thỉnh thoảng liên lạc. Năm 2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vốn dĩ vợ chồng không gắn kết, nay lại sống xa nhau nên tình cảm phai nhạt. Đã 7 năm nay vợ chồng chưa gặp lại nhau. Từ năm 2018 đến nay anh L không gửi tiền về nuôi con, một mình chị H tự bươn chải nuôi con. Hiện tại, chị H nhận thấy tình

cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục, duy trì cuộc sống hôn nhân được nữa, mong muốn được ly hôn để tạo lập cuộc sống mới. Về phía anh Nguyễn Ngọc L, Tòa án đã thực hiện đầy đủ việc tống đạt văn bản cho anh nhưng không trình bày ý kiến về việc giải quyết vụ án, điều đó chứng tỏ anh L có ý thức bỏ mặc hôn nhân. Hai vợ chồng không liên lạc với nhau, không quan tâm đến nhau, tình cảm không còn, hiện mỗi người sống một nơi không có khả năng đoàn tụ. Hội đồng xét xử xét thấy: Chị H và anh L không thực hiện quyền và nghĩa vụ của vợ chồng làm cho tình trạng hôn nhân trầm trọng, mâu thuẫn căng thẳng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị H.

[2.2] Về quan hệ con chung: chị Lê Thị H và anh Nguyễn Ngọc L có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Hoàng L1, sinh ngày 16/03/2016. Hội đồng xét xử xét thấy: Từ khi anh L đi làm việc tại nước ngoài đến nay, chị H là người nuôi con. Nay ly hôn, chị yêu cầu được quyền trực tiếp chăm sóc con chung, con Nguyễn Ngọc Hoàng L1 trình bày sau khi bố mẹ ly hôn, nguyện vọng được ở với mẹ. Do đó, cần giao con chung Nguyễn Ngọc Hoàng L1, sinh ngày 16/03/2016 cho chị Lê Thị H chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi về quyền nuôi con là phù hợp Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Về nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung: chị Lê Thị H không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con nên miễn xét. Anh Nguyễn Ngọc L có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[2.4] Về án phí : Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 123, 127 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, các Điều 28, 37, 39, 227, 228, 469, Điều 474, Điều 477, Điều 479, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm b tiểu mục 2.1, mục 2 phần II Nghị quyết số 01 /2003/NQ-HĐTP ngày 16/4/2003 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao về giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ, Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị H*, xử:*

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị H ly hôn với anh Nguyễn Ngọc L.

2. Về con chung: Giao con Nguyễn Ngọc Hoàng L1, sinh ngày 16/03/2016 cho chị Lê Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi về quyền nuôi con. Anh Nguyễn Ngọc L có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lê Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000658 ngày 13/10/2023 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết; bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 1 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì bên được thi hành án dân sự, bên phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- UBND phường Trung Lương Thị xã Hồng Lĩnh (Nơi ĐKKH);
- Đương sự;
- Lưu HS, TDS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Bùi Quang Năng